

Số 376 /TT-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v **Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác**
của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; văn bản sửa đổi bổ sung và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022; văn bản sửa đổi bổ sung và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025;
- Căn cứ Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 thông qua ngày 15/6/2023 và Phụ lục sửa đổi Điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 482/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của ĐHCĐ thường niên năm 2025;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác năm 2026 cho Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) Công ty như sau:

1. Mức tiền lương, thù lao và lợi ích khác của HĐQT và BKS

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Thành viên HĐQT	
1.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của Công ty
1.2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	15.000.000
1.3	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của Công ty



Handwritten signature

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)
1.4	Thành viên HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của Công ty
1.5	Thành viên HĐQT không chuyên trách	12.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	
2.1	Trưởng BKS chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của Công ty
2.2	Trưởng BKS không chuyên trách	14.000.000
2.3	Thành viên BKS chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của Công ty
2.4	Thành viên BKS không chuyên trách	8.000.000

Mức cụ thể đối với các chức danh chuyên trách đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.

2. Chi phí khác

Đề tạo điều kiện tốt nhất cho Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026, đồng thời đảm bảo kinh phí cho HĐQT, BKS và các Ban thuộc HĐQT thực hiện công tác quản trị tăng cường công tác giám sát và hỗ trợ hoạt động kinh doanh, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt ngân sách cho HĐQT và BKS để chi tiêu một số khoản như: Điện thoại, công tác phí, chi phí giao dịch...

Mức chi **0,3%** trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;

- Lưu: TCKT, CSNS, VPTSC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải

